



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG  
GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế) theo Quyết định số 139/QĐ/UBND ngày 16/01/2006 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3103000161 ngày 10/02/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 09 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/04/2016 với mã số doanh nghiệp là 3300101011.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 64/2009/GCNCP-VSD ngày 02/10/2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán GTH.

**Vốn điều lệ theo GCN ĐK doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 01/04/2016:** 27.355.000.000 đồng.

**Vốn đầu tư chủ sở hữu tại ngày 31/12/2016:** 27.355.000.000 đồng.

Công ty có 19 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

- Chi nhánh Quảng Trị;
- Đội liên kết xây dựng số 1;
- Đội liên kết xây dựng số 2;
- Đội liên kết xây dựng số 3;
- Đội liên kết xây dựng số 4;
- Đội liên kết xây dựng số 7;
- Xí nghiệp xây lắp 6;
- Xí nghiệp xây lắp 9;
- Xí nghiệp xây lắp 12;
- Xí nghiệp xây lắp 19;
- Xí nghiệp xây lắp 22;
- Xí nghiệp Thi công Cầu;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 1;
- Nhà máy gạch tuynen Hải Lăng;
- Xí nghiệp cơ khí;
- Cửa hàng Xăng dầu An Lỗ;
- Xí nghiệp Xây dựng Tổng hợp 5;
- Xí nghiệp Xây dựng Tổng hợp 10;
- Chi nhánh Quảng Điền.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: Lô 77, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Điện thoại: (84) 0234.3812849
- Fax: (84) 0234.3823846
- Website: www.xdgt-tth.com.vn

### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, giao thông);
- Chuẩn bị mặt bằng (Chi tiết: San lấp mặt bằng hạ tầng đô thị);
- Lắp đặt hệ thống điện (Chi tiết: Thi công lưới điện hạ thế);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (Chi tiết: Thi công hệ thống cấp nước sinh hoạt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (Chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn, thương phẩm);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông đúc sẵn, thương phẩm);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và theo tuyến cố định);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Tư vấn, khảo sát và thiết kế các công trình giao thông);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Chi tiết: Khai thác đá);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản phi quặng, khai hoang đồng ruộng);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Chi tiết: Gia công sửa chữa phương tiện vận tải, xe máy thi công);
- Cho thuê xe có động cơ (Chi tiết: Cung ứng phương tiện vật tư thiết bị, phụ tùng giao thông vận tải);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý vận tải);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (Chi tiết: Thi nghiệm vật liệu xây dựng công trình giao thông).

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 221 người. Trong đó nhân viên gián tiếp 65 người.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### *Hội đồng quản trị*

- |                       |              |                              |
|-----------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Văn Đức    | Chủ tịch     | Bổ nhiệm lại ngày 09/05/2014 |
| • Ông Trần Chính      | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 15/07/2015     |
| • Ông Lê Viết Trí     | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 09/05/2014     |
| • Ông Nguyễn Đăng Bảo | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 15/07/2015     |
| • Bà Ngô Thị Lệ Hương | Thành viên   | Bổ nhiệm lại ngày 09/05/2014 |

### *Ban Kiểm soát*

- |                      |            |                              |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trần Quang     | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 13/09/2016     |
|                      | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 09/05/2014     |
| • Ông Phan Văn Dương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 01/06/2014     |
|                      |            | Miễn nhiệm ngày 13/09/2016   |
|                      | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 13/09/2016     |
| • Ông Phan Quốc Việt | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 09/05/2014 |
|                      |            | Miễn nhiệm ngày 08/06/2016   |

### *Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng*

- |                       |                   |                              |
|-----------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Trần Chính      | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 01/06/2014     |
| • Ông Trần Phúc Tuấn  | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2014 |
| • Ông Đoàn Anh Hải    | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/06/2014     |
| • Ông Nguyễn Đăng Bảo | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2014 |
| • Ông Phan Văn Dương  | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 13/09/2016     |
| • Bà Ngô Thị Lệ Hương | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2014 |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Trần Chính

Huế, ngày 27 tháng 3 năm 2017





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
**THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL**

Trụ sở chính  
Lô 79-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3655886; Fax: 84.236.3655887  
Email: aac@dng.vn.vn  
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 459/2017/BCKT-AAC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Thừa Thiên Huế**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20/03/2017, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**

**KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1  
Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Ngô Thị Kim Anh – Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1100-2013-010-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>174.121.294.217</b>	<b>195.021.449.586</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7.022.188.073</b>	<b>12.906.376.270</b>
1. Tiền	111	5	7.022.188.073	12.906.376.270
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>110.885.332.498</b>	<b>98.117.848.493</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	79.629.724.651	57.501.675.053
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	21.631.447.249	18.114.662.905
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	15.345.763.878	26.753.555.450
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.721.603.280)	(4.252.044.915)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>56.019.905.061</b>	<b>83.775.041.133</b>
1. Hàng tồn kho	141		64.549.494.061	90.889.938.133
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.529.589.000)	(7.114.897.000)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>193.868.585</b>	<b>222.183.690</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	193.868.585	222.183.690
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>37.664.510.814</b>	<b>42.009.325.722</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>185.623.500</b>	<b>135.171.500</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	185.623.500	135.171.500
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>34.978.769.130</b>	<b>37.290.502.998</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	34.978.769.130	37.290.502.998
- Nguyên giá	222		103.574.403.917	100.641.462.305
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68.595.634.787)	(63.350.959.307)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>706.585.502</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	706.585.502
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.500.118.184</b>	<b>3.877.065.722</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	2.500.118.184	3.877.065.722
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>211.785.805.031</b>	<b>237.030.775.308</b>





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	18	202.209.291.167	231.605.721.879
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		202.209.291.167	231.605.721.879
4. Giá vốn hàng bán	11	19	177.373.480.971	210.996.790.790
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>24.835.810.196</b>	<b>20.608.931.089</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	7.473.874	65.631.691
7. Chi phí tài chính	22	21	8.564.372.945	9.312.041.586
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.564.372.945	9.312.041.586
8. Chi phí bán hàng	25	22.a	4.417.388.406	5.637.100.565
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22.b	8.228.774.594	11.040.733.880
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3.632.748.125</b>	<b>(5.315.313.251)</b>
11. Thu nhập khác	31	23	332.920.262	8.902.689.167
12. Chi phí khác	32	24	2.073.658.839	929.268.506
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(1.740.738.577)</b>	<b>7.973.420.661</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.892.009.548</b>	<b>2.658.107.410</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	937.420.270	774.550.841
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>954.589.278</b>	<b>1.883.556.569</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	353	706
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	353	706

**Tổng Giám đốc**  
  
**Trần Chính**

Huế, ngày 20 tháng 3 năm 2017

**Kế toán trưởng**



**Ngô Thị Lệ Hương**

**Người lập biểu**



**Nguyễn Văn Hậu**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN  
 Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.892.009.548	2.658.107.410
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	11	5.986.892.742	7.539.454.897
- Các khoản dự phòng	03		2.884.250.365	5.169.719.411
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	20,24	(9.560.308)	(8.874.798.331)
- Chi phí lãi vay	06	21	8.564.372.945	9.312.041.586
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		19.317.965.292	15.804.524.973
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.287.494.370)	(9.437.458.177)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9	26.340.444.072	(12.093.375.036)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(30.601.419.347)	23.872.661.227
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10	1.405.262.643	(1.727.586.923)
- Tiền lãi vay đã trả	14	21	(8.564.372.945)	(9.312.041.586)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	14	(707.216.707)	(489.870.628)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(210.082.064)	(193.280.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(7.306.913.426)</b>	<b>6.423.573.850</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	11	(3.051.486.938)	(2.057.630.169)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		85.000.000	10.380.909.090
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20	7.473.874	65.631.691
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(2.959.013.064)</b>	<b>8.388.910.612</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	17.a	3.289.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	16	83.100.918.799	99.254.039.779
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	16	(82.008.180.506)	(113.885.772.448)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.214.839.535)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>4.381.738.293</b>	<b>(16.846.572.204)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		<b>(5.884.188.197)</b>	<b>(2.034.087.742)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	5	<b>12.906.376.270</b>	<b>14.940.464.012</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	5	<b>7.022.188.073</b>	<b>12.906.376.270</b>



Huế, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Kế toán trưởng

Ngô Thị Lệ Hương

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hậu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế) theo Quyết định số 139/QĐ/UBND ngày 16/01/2006 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3103000161 ngày 10/02/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 09 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/04/2016 với mã số doanh nghiệp là 3300101011.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 64/2009/GCNCP-VSD ngày 02/10/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán GTH.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: thi công xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, giao thông);
- Chuẩn bị mặt bằng (Chi tiết: San lấp mặt bằng hạ tầng đô thị);
- Lắp đặt hệ thống điện (Chi tiết: Thi công lưới điện hạ thế);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (Chi tiết: Thi công hệ thống cấp nước sinh hoạt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (Chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn, thương phẩm);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông đúc sẵn, thương phẩm);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và theo tuyến cố định);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Tư vấn, khảo sát và thiết kế các công trình giao thông);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Chi tiết: Khai thác đá);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản phi quặng, khai hoang đồng ruộng);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Chi tiết: Gia công sửa chữa phương tiện vận tải, xe máy thi công);



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Cho thuê xe có động cơ (Chi tiết: Cung ứng phương tiện vật tư thiết bị, phụ tùng giao thông vận tải);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý vận tải);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (Chi tiết: Thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình giao thông).

### **1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### **1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có 19 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc, có tổ chức kế toán riêng như sau:

- Chi nhánh Quảng Trị;
- Đội liên kết xây dựng số 1;
- Đội liên kết xây dựng số 2;
- Đội liên kết xây dựng số 3;
- Đội liên kết xây dựng số 4;
- Đội liên kết xây dựng số 7;
- Xí nghiệp xây lắp 6;
- Xí nghiệp xây lắp 9;
- Xí nghiệp xây lắp 12;
- Xí nghiệp xây lắp 19;
- Xí nghiệp xây lắp 22;
- Xí nghiệp Thi công Cầu;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 1;
- Nhà máy gạch tuynen Hải Lăng;
- Xí nghiệp cơ khí;
- Cửa hàng Xăng dầu An Lỗ;
- Xí nghiệp Xây dựng Tổng hợp 5;
- Xí nghiệp Xây dựng Tổng hợp 10;
- Chi nhánh Quảng Điền.

## **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### 4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.4 Tài sản cố định hữu hình

##### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.